

## CHƯƠNG II

### VÌ SAO CÓ SỰ THAY ĐỔI THẾ CHIẾN LƯỢC QUỐC TẾ CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC CỤC?

**C**húng ta hãy hình dung các đế quốc như một nhà kinh doanh, khi nhận ra rằng mảnh lời làm ăn cũ không còn có lợi, lập tức nhà kinh doanh có hai lựa chọn: một là thay đổi cách kinh doanh để tồn tại và phát đạt hơn; hai là cố bám lê lối kinh doanh cũ, chịu thua lỗ, đi dần đến phá sản. Nhà kinh doanh khôn ngoan không thể chọn cách thứ hai mà phải chọn cách thứ nhất. Cũng vậy, khi các đế quốc không còn khai thác các nước nghèo bằng chủ nghĩa thực dân cũ, lập tức chủ nghĩa thực dân mới được thay thế. Nay chủ nghĩa thực dân mới lại lỗi thời, cần sớm đổi thay cách nhìn và cách đối xử giữa các nước giàu với nhau và khai thác các nước nghèo theo một kiểu khác, kiểu “chủ nghĩa siêu thực dân” chẳng hạn. . . Sự thay đổi này có thể gọi là sự thay đổi thế chiến lược quốc tế mới của các cường quốc cục. Vậy vì sao có sự thay đổi thế chiến lược quốc tế?

Có hai nguyên nhân chủ quan và khách quan:

#### A. VỀ CHỦ QUAN:

Sau thế chiến hai, tình hình chính trị, kinh tế, quân sự trong cả hai khối đã có nhiều biến chuyển theo thời gian đi từ cực tiểu đến cực đại vài chục năm sau chiến tranh, rồi đi vào suy thoái những năm sau đó. . . Đã là nguyên nhân chủ quan buộc các nước giàu phải thay đổi chiến lược chung vì quyền lợi thiết thân của họ. Chúng ta cùng nhìn vào những diễn biến của cả hai khối trong vòng ba mươi năm sau thế chiến hai.

#### Khối Tư Bản:

Nước Mỹ sau chiến tranh nhờ uy thế còn giàu mạnh đã chiếm ngôi bá chủ, trong khi các cường quốc khác như Nhật, Anh, Pháp, Đức và một số nước Tây Âu khác đã bị kiệt quệ vì chiến tranh nên phải dựa vào Mỹ để phục hồi và phát triển. Chiều hướng phát triển của toàn khối tư bản có thể ghi nhận qua ba thời kỳ phục hồi, phát triển và suy thoái sau đây:

*1. Phục Hồi (1945-1955):* Trong thời kỳ này, các nước tư bản phương Tây do nhận được sự trợ giúp của Mỹ qua kế hoạch Marshall. Đây là kế hoạch tài trợ nhằm phục hưng châu Âu do Ngoại trưởng Mỹ là Marshall đưa ra năm 1947, được Quốc hội Mỹ thông qua năm 1948, đi vào thực hiện và kết thúc năm 1951. Với ngân khoản 12,50 tỷ đô la, kế hoạch Marshall đã giúp các nước đồng minh Tây Âu phục hồi nhanh chóng nền kinh tế của mình. Tại châu Á, Nhật Bản cũng được Mỹ mau chóng chấm dứt chế độ uỷ trị, trao trả độc lập, viện trợ và cho vay vốn đầu tư phát triển. Nhà cầm quyền của nước cộng sản này đã biết lợi

dụng viện trợ, cho vay vốn và các điều kiện dễ dãi của Mỹ để đầu tư vào các ngành công nghiệp cơ bản như luyện kim, cơ khí. . . nên đã phục hồi và phát triển mau chóng tiềm năng kinh tế, củng cố lại được địa vị cường quốc xưa.

Nếu đánh giá quan hệ giữa Mỹ và các nước đồng minh trong thời kỳ này, có thể gọi đây là thời kỳ “trắng mặt” trên mọi bình diện chính trị, kinh tế cũng như quân sự. Toàn khối đã thể hiện được sự đồng tâm, hiệp lực qua việc thành lập các tổ chức chính trị, kinh tế và quân sự như “Hội đồng Châu Âu” (1949), Tổ chức Quân sự NATO (1949), ANZUS giữa Mỹ, Úc và Tân Tây Lan (1951-1952) mà tiền thân là Liên minh Phương Tây (1948). Mục đích của các tổ chức này gọi là để bảo đảm sự thống nhất giữa các thành viên, thúc đẩy sự tiến bộ kinh tế xã hội nhằm tạo sức mạnh đương đầu với khối các nước XHCN. Tuy nhiên trong thời kỳ này, nền kinh tế các nước Tây Âu và Nhật Bản trên thực tế vẫn lệ thuộc Mỹ. Địa vị lãnh đạo toàn khối của Mỹ vẫn được củng cố. Mỹ trở thành một trung tâm tài chính duy nhất của khối các nước tư bản.

**2- Phát Triển (1956-1965):** Có thể coi đây là thời kỳ phát triển và đạt đến cực đại của khối tư bản. Nhưng đồng thời các mâu thuẫn nội bộ đã biểu hiện và phát triển đến độ gay gắt. Các nước Tây Âu và Nhật Bản sau khi phục hồi đã phát triển với tốc độ nhanh hơn cả Mỹ. Địa vị bá chủ khối các nước tư bản của Mỹ bị đe dọa. Năm 1957, Hội đồng Kinh tế Châu Âu tức Thị Trường Chung Châu Âu (EEC) ra đời như là hành động đầu tiên của các nước Tây Âu muốn tách khỏi sự lệ thuộc Mỹ. Thành viên lúc đầu có sáu nước (Pháp, Tây Đức, Ý, Bỉ, Hoà Lan, Lục Xâm Bào), sau có thêm

sáu nước (Anh, Đan Mạch, Ireland (1973), Hy Lạp (1981), Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha (1985), nâng tổng số lên mười hai nước hội viên. Mục đích của EEC là thành lập liên minh thuế quan trong khuôn khổ cộng đồng, xoá bỏ hàng rào ngăn cách sự tự do di chuyển tư bản, người và dịch vụ, qui định chính sách buôn bán thống nhất với các nước ngoài cộng đồng, liên minh kinh tế và tiền tệ, chính sách kinh tế thống nhất và thực hiện chính sách chung trên các lãnh vực kỹ nghệ, nông nghiệp, giao thông vận tải. Đến năm 1960, Hội Mậu Dịch Tự Do Châu Âu, một liên minh kinh tế thương mại của một số nước Tây Âu được thành lập do sáng kiến của Anh. Một năm sau, Nhóm Mười Nước ra đời (Câu Lạc Bộ Paris), một tổ chức liên chính phủ với các thành viên Mỹ, Gia Nã Đại, Nhật, Pháp, Bỉ, Tây Đức, Ý, Anh, Thụy Điển, Hoà Lan. Mục đích chính của tổ chức này là tăng vốn dự trữ của quỹ tiền tệ quốc tế, tạo điều kiện cho các thành viên vay vốn trong tình hình nguy kịch. Vốn đầu tiên của Nhóm Mười Nước là 6 tỷ đô la và trên thực tế nhóm này đã biến thành cơ quan điều tiết các vấn đề tài chánh tiền tệ của phương Tây và qui định chính sách của quỹ tiền tệ quốc tế. Hoạt động của Nhóm này có các đặc điểm nổi bật là cuộc cạnh tranh nội bộ rất gay gắt trong giai đoạn này. (Những năm gần đây, vai trò của Nhóm Mười Nước bị suy giảm do sự có mặt của Hội nghị Thượng đỉnh Bảy Nước Công-nghiệp Phát triển Hàng đầu, Nhóm G-7).

Mặt khác, ở châu Âu, nước Pháp công khai đòi Mỹ phải chia sẻ quyền lãnh đạo khối NATO, lãnh đạo châu Âu và các khu vực khác trên thế giới cho Pháp và các đồng minh. Tại Á châu, cuộc chiến tranh Triều Tiên, điểm nóng đầu tiên của cuộc chiến tranh ý thức

hệ, đã thêm yếu tố thúc đẩy nền kinh tế Nhật Bản có thêm yếu tố phát triển nhanh chóng.

Tất cả những sự kiện trên cho thấy, cùng với sự phát triển đến cực thịnh của toàn khối trong giai đoạn này, cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và các cường quốc Tây Âu và Nhật Bản ngày một gay gắt, thể hiện những mâu thuẫn sâu sắc đã hình thành trong lòng khối tư bản.

*3- Suy Thoái (1965-1975):* Có thể coi đây là giai đoạn suy thoái của khối các nước tư bản trong khung cảnh của cuộc chiến tranh ý thức hệ về chiều. Trong thời điểm này, Mỹ đang sa lầy vào điểm nóng chiến tranh Việt Nam. Nền kinh tế Mỹ mất cân đối, trong khi đó, các nước Tây Âu, Nhật Bản có thời cơ thuận lợi phát triển rất nhanh về kinh tế và đã vượt qua Mỹ trên nhiều lãnh vực. Nội bộ các nước tư bản có sự phân hoá rõ rệt. Từ một trung tâm kinh tế tài chính duy nhất là Mỹ trong thời kỳ đầu sau thế chiến hai, đã manh nha trong giai đoạn hai để rồi hình thành trong giai đoạn này ba trung tâm kinh tế tài chính Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản. Ba trung tâm này đã cạnh tranh quyết liệt. Trong khối tư bản nổ ra các cuộc “chiến tranh vàng” (1964-1965), “chiến tranh trư” (1965), “chiến tranh tiền tệ” (1971-1973). . . Trong khi đó, phong trào chống chiến tranh Việt Nam lan rộng từ Mỹ qua các nước Tây Âu, Nhật Bản. Những áp lực này đã làm suy giảm sức mạnh và đe dọa đến địa vị lãnh đạo của Mỹ. Chiến tranh Việt Nam phải đi dần đến kết thúc cũng như các cuộc chiến tranh cục bộ khác chấm dứt cùng lúc hay sau này, phải chăng chẳng đáng dừng các nước giàu nói chung, chủ động là các cường quốc đế quốc nói riêng, đã đến lúc phải thay đổi cung cách làm ăn mới? Bởi vì,

thực tế đã cho thấy nước Mỹ vốn là nước giàu mạnh nhất, cầm đầu phe tư bản mà nay bắt đầu đi xuống. Sự đi xuống này kéo theo sự đi xuống của toàn khối. Thực tế là từ năm 1973 trở đi, Nhật Bản đã chấm dứt cái gọi là “Thần kỳ kinh tế”, bắt đầu rơi vào khủng hoảng và khó khăn triền miên. Các nước Tây Âu cũng không thoát khỏi số phận chung như Mỹ và Nhật. Chính trong khung cảnh này sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt hơn bao giờ hết đã phát sinh trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa. Tất cả chỉ có thể giải quyết bằng một nền trật tự kinh tế quốc tế mới. Người ta không thể quay về thời kỳ vàng son của chủ nghĩa thực dân mới và giữ mãi một thể chiến lược quốc tế đã lỗi thời không còn tác dụng.

**- Khối Các Nước Xã Hội Chủ Nghĩa Thì Sao?**

Về mặt chủ quan, các nước xã hội chủ nghĩa cũng trải qua ba thời kỳ tương tự như các nước tư bản chủ nghĩa:

*1- Phục Hồi (1945-1955):* Cũng có thể coi đây là thời kỳ phục hồi đi từ cực tiểu của khối cộng sản sau thế chiến hai. Tuy nhiên có khác, khối tư bản đa số là các cựu cường quốc trước chiến tranh, còn khối cộng sản ngoài Liên Xô, Đông Đức, được coi là cường quốc, còn hầu hết các nước cộng sản Đông Âu trước chiến tranh chỉ là các nước tư bản lạc hậu, bị lệ thuộc các cường quốc Anh, Pháp, Đức. Trong chiến tranh các nước Đông Âu đã bị phát-xít Đức, Ý xâm chiếm. Vào thời kỳ sau cùng của cuộc chiến, Hồng quân Liên Xô tiến đến đâu thì thiết lập chính quyền cho những người cộng sản bản xứ đến đó. Để bảo vệ các chính quyền này, Liên Xô sau chiến tranh vừa phải duy trì quân đội thường trực tại các nước Đông Âu, vừa phải ra sức trợ

giúp kinh tế. Sau này để hợp pháp hoá sự hiện diện quân sự của mình, Liên Xô đã thành lập Hiệp ước Warsaw. Tất nhiên sự trợ giúp về kinh tế của Liên Xô cho các nước cộng sản Đông Âu không thể dồi dào như Mỹ giành cho Tây Âu. Lý do dễ hiểu là vì bản thân Liên Xô cũng bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh. Cái mà Liên Xô có thể trợ giúp các nước Đông Âu là về mặt chánh trị. Bằng kinh nghiệm của mình, Liên Xô đã giúp các đảng cộng sản Đông Âu xây dựng và củng cố chế độ độc tài đảng trị, thực hiện một đường lối cai trị sắt máu kiểu Staline.

Theo tài liệu của khối cộng sản nói về sự phát triển hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, thì đây là thời kỳ hoàn thành cuộc cách mạng Dân tộc Dân chủ Nhân dân ở các nước Đông Âu và châu Á. Các nước này đã chuyển chế độ Dân chủ Nhân dân (DCND) qua chế độ XHCN bằng cách thiết lập “chuyên chính vô sản” (tức độc tài của giai cấp vô sản) và đã thực hiện được các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Một là thực hiện cải cách ruộng đất triệt để, củng cố khối liên minh Công-Nông (liên minh giai cấp); các nước Đông Âu đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ này trong hai năm (1947-1948), còn các nước Á châu tiến hành có chậm hơn nên phải đến những năm 1950 mới xong.

- Hai là quốc hữu hoá tài sản của giai cấp thống trị và tư sản. Trước chiến tranh, nói rằng nền công nghiệp các nước Đông Âu chủ yếu nằm trong tay các công ty tư bản nước ngoài hay bị các công ty này khống chế. Sau chiến tranh, các chánh quyền Dân chủ Nhân dân đã hoàn thành công cuộc quốc hữu hoá tài sản (1948-49).

- Ba là cùng cố quyền lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân, xây dựng chính quyền Dân chủ Nhân dân. Để làm được công việc này, đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước Đông Âu đã gặp sự kháng cự quyết liệt của giai cấp tư sản. Thế nhưng nhờ có sự hỗ trợ của quân đội Liên Xô nên các chính quyền cộng sản Đông Âu đã tiêu diệt được các lực lượng thù địch và loại trừ được giai cấp tư sản ra khỏi mọi cơ cấu của chính quyền mới v.v. . .

Cũng như Mỹ, Liên Xô tìm cách phục hồi và củng cố sức mạnh cho toàn khối cộng sản cũng như ngôi vị bá chủ của mình. Đánh giá mối quan hệ trong nội bộ khối cộng sản vào thời kỳ này có thể gọi đây cũng là thời kỳ trắng mắt giữa Liên Xô và các nước thành viên. Toàn khối như thể hiện được mối đồng tâm hiệp lực qua việc hình thành các tổ chức chính trị, kinh tế và quân sự của mình, đa phương cũng như song phương. Hai tổ chức mang tính đối đầu với khối tư bản là Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) thành lập năm 1949 và Tổ chức Warsaw ra đời năm 1955. Mục đích các tổ chức này được công bố là để củng cố, phát triển sự hợp tác chặt chẽ giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em về kinh tế, chính trị, quân sự nhằm “xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội (CNXH) và chủ nghĩa cộng sản (CNCS), góp phần bảo đảm một nền hoà bình vững chắc trên thế giới”!

Tuy nhiên, khác với khối tư bản, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, không những lệ thuộc Liên Xô về kinh tế mà còn bị cột chặt về mặt chính trị. Địa vị lãnh đạo khối cộng sản là độc tôn. Moscow trở thành một trung tâm quyền lực định hướng phát triển cho toàn



khối và điều động các nước trong khối bằng hệ tư tưởng Mác-Lê và hệ thống các đảng cộng sản do Moscow đào tạo, thiết lập để nắm quyền cai trị độc tôn tại các nước thành viên. Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa hai cực cường Mỹ, Nga về cách thể hiện quyền lãnh đạo và thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của mình.

- *Phát Triển (1956-1965)*: Đây cũng có thể coi là thời kỳ phát triển và đạt đến cực đại sức mạnh bành trướng của khối cộng sản. Nhưng đồng thời, mâu thuẫn nội bộ cũng hình thành trong giai đoạn này. Sở dĩ chúng tôi không lưu ý nhiều đến khía cạnh phát triển kinh tế trong khối cộng sản như là khối tư bản, vì chủ yếu sức mạnh của khối dựa trên thành quả của sự bành trướng. Dường như quan tâm chủ yếu của khối cộng sản là thực hiện “xuất khẩu cách mạng” đến các nước nghèo đói, mở rộng quyền thống trị cho các đảng cộng sản. Một mặt, trong khung cảnh một chế độ chuyên chính (độc tài), một nền kinh tế chỉ huy và hoạch định cứng rắn, khối cộng sản ưu tiên hàng đầu là phát triển sức mạnh quân sự để phô trương với đối phương, hỗ trợ bạo lực cách mạng để bành trướng và trấn áp nhân dân, với một đời sống theo sự sắp xếp của nhà cầm quyền. Hàng năm, các nước cộng sản phải chấp nhận thường chi tiêu từ 30% đến 40% ngân sách vào mục tiêu củng cố quốc phòng, chạy đua vũ trang chuẩn bị chiến tranh và tài trợ cho các cuộc “chiến tranh giải phóng”. Mặt khác, Đảng và các chính quyền trong khối cộng sản đã thành công trong việc tuyên truyền giáo dục cho nhân dân trong nước, tin tưởng rằng lý tưởng cộng sản là nhân đạo và cao đẹp. Nhân dân trong các nước cộng sản có vẻ như được no đầy và sống hạnh phúc trong tháp ngà tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lê, tự hào

về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, hãnh diện về tinh thần quốc tế vô sản hay quốc tế xã hội chủ nghĩa. Tất cả họ như được sống trong một thế giới thần tiên để ước mơ về một thiên đường cộng sản mai hậu. Đến khi họ chợt tỉnh mới hay rằng những thành tựu trên các lãnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, xã hội, văn hoá chỉ là những thành tựu trên nguyên tắc do các nhà lãnh đạo đảng và nhà nước đưa ra, có giá trị về mặt tuyên truyền lý luận hơn là thực tiễn. Thực tiễn là con người phải sống bằng cơm áo, gạo tiền, chứ không phải sống bằng lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Vì thực tế trong bao lâu nay, các nhà lãnh đạo chớp bu của đảng và nhà nước đã sống bằng cơm áo gạo tiền, sống sung túc, vinh thân phì gia. Chỉ có đa số nhân dân là sống bằng “không tương” trong một thực tại phũ phàng.

Chúng ta hãy nghe tài liệu của phe xã hội chủ nghĩa đánh bóng thành quả rằng giai đoạn này hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng củng cố, phát triển và trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người. Chính trong giai đoạn này, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã mở rộng thêm quá nhiều nước Á Phi- Mỹ Latinh. Trong số này có nhiều nước đang hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để rồi phát triển theo xu hướng chủ nghĩa xã hội; rằng về tính chất cách mạng, đây là giai đoạn các nước xã hội chủ nghĩa tiến hành công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội với qui mô lớn và tốc độ cao và thu được những thành tựu vô cùng to lớn về mọi mặt. Sau khi hoàn thành các kế hoạch kinh tế xã hội dài hạn, Liên Xô trở nên hùng mạnh hơn, trở thành trụ cột của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, trụ cột của cách

mạng thế giới và hoà bình thế giới!

Trong khi đó các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũng được đánh bóng, rằng sau khi hoàn thành ba kế hoạch năm năm (1950-1965) đều đã hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội về căn bản và hiện nay một số nước đang bước vào giai đoạn hoàn thiện chủ nghĩa xã hội. Đối với các nước nghèo thì “các nước xã hội chủ nghĩa Á, Phi, Mỹ La-tinh cũng đang tiến bước mạnh mẽ trong công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiều thành tựu rực rỡ. Để giúp đỡ lẫn nhau trên những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sự nghiệp xây dựng kinh tế, văn hoá, xã hội, củng cố quốc phòng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã tham gia tổ chức Hội đồng Tương trợ Kinh tế và Hiệp ước hữu nghị Hợp tác, Tương trợ Warsaw, qua đó hình thành cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa...” (3)

Sau cùng tài liệu kết luận rằng “Với những thành tựu vô cùng to lớn về mọi mặt, từ cuối năm 1950, lực lượng hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở nên mạnh hơn lực lượng hệ thống tư bản chủ nghĩa và trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người. Đó là sự chuyển biến và thắng lợi hết sức to lớn của hệ thống xã hội chủ nghĩa trong quá trình hình thành, củng cố và phát triển của mình”. (4)

Về giá trị của những lời tự đánh giá của phe xã hội chủ nghĩa như thế nào, người ta có thể kiểm chứng bằng thực tiễn khách quan; ở đây chúng tôi miễn bình luận thêm mà chỉ đưa thêm một số sự kiện thực tế phát sinh trong thời kỳ cực thịnh này của khối cộng sản. Đó là sự manh nha rạn nứt trong nội bộ khối cộng sản trong giai

đoạn này. Vẫn theo tài liệu của khối cộng sản, thì sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, do những điều kiện lịch sử và hoàn cảnh chủ quan, khách quan khác nhau, các khuynh hướng của chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại dưới nhiều màu sắc đã xuất hiện ở nhiều đảng cộng sản và công nhân trong một số nước xã hội chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa.

Tuyên bố Moscow năm 1960 vạch rõ: “Sự tồn tại của ảnh hưởng tư sản là nguồn gốc bên trong và sự đầu hàng trước áp lực của chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc bên ngoài của chủ nghĩa xét lại.” (5)

Tiêu biểu cho sự rạn nứt của khối cộng sản trong giai đoạn này có thể kể hiện tượng nổi dậy ở Hung Gia Lợi (1956), Nam Tư với lãnh tụ Tito ở Đông Âu và một Trung Cộng với Mao Trạch Đông ở châu Á muốn thoát quyền lãnh đạo của Liên Xô. Đáng kể là Trung Cộng, một cường quốc cộng sản muốn tranh giành ngôi vị bá chủ với Liên Xô trong khối cộng sản. Cuối năm 1957, khi sang họp hội nghị các đảng cộng sản và công nhân ở Moscow, Mao đã tuyên bố “Gió Đông thổi bạt gió Tây”. Trước đó, tháng 12-1955, trong một điện văn với tiêu đề “chống chủ nghĩa hữu khuynh và chủ nghĩa bảo thủ”, Mao Trạch Đông nói: “Kinh nghiệm Trung Quốc phong phú hơn kinh nghiệm Liên Xô” và “Công nhân Trung Quốc còn giỏi hơn cả công nhân Anh, Mỹ...” Do đó, họ có thể đạt kết quả lớn hơn, tốt hơn và nhanh hơn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Với những quan điểm trên, sau khi ở Moscow về, Mao đã triệu tập hội nghị Trung ương Đảng Trung Quốc, đề ra đường lối “Đại nhảy vọt”, với phương

châm “Nhiều, nhanh, tốt, rẻ - xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Đầu năm 1958, Mao chính thức đưa ra đường lối “Ba ngọn cờ hồng” gồm đường lối chung, đại nhảy vọt và công xã nhân dân. Kết quả như mọi người đều biết việc xây dựng công xã nhân dân và đại nhảy vọt đã làm cho nền kinh tế Trung Quốc lâm vào tình cảnh khó khăn, nguy kịch. Cuối năm 1960, nạn đói trầm trọng làm 30 triệu người bị chết đói. Đồng ruộng bị bỏ hoang, nhà máy đóng cửa vì thiếu nguyên liệu, lương thực là vì phải tập trung vào “luyện thép” (Mao gọi năm 1958 là năm lấy ‘sản xuất thép làm cương lĩnh hoạt động’ và để đạt sản lượng 18 tấn thép, toàn dân phải tham gia luyện thép bằng cả những lò thủ công - người người luyện thép, mỗi nhà là một lò luyện thép).

Tựu trung trong giai đoạn này, khối cộng sản đã đạt tới đỉnh cao của sự phò trương, với thành tựu thấy được là nhiều nước nghèo đói đã rơi vào quỹ đạo cộng sản. Nhưng đồng thời mầm mống của sự phân hoá đã hình thành và ngày một lớn lên trong lòng khối cộng sản, đe dọa ngôi vị bá chủ của Liên Xô.

3- *Suy Thoái (1965-1975)*: Cũng có thể coi đây là thời kỳ suy thoái tương ứng với khối tư bản của khối cộng sản, trong khung cảnh của cuộc chiến tranh ý thức hệ về chiều. Mâu thuẫn Nga-Hoa mạnh mẽ trong giai đoạn trước, nay đã đến hồi quyết liệt. Chủ nghĩa xét lại hiện đại đã phân hoá đến cùng cực các đảng cộng sản và các nước xã hội chủ nghĩa, làm băng hoại cái mà khối cộng sản gọi là ba dòng thác cách mạng.

Thật vậy, trong giai đoạn này Trung Quốc đã chia sẻ quyền lãnh đạo khối cộng sản với Liên Xô, đưa đến nạn bè phái trong các đảng cộng sản và tập hợp thành

các nhóm thân Trung Quốc. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã công khai tự cho mình là trung tâm cách mạng thế giới; Rằng Trung Quốc mới xứng đáng là đội tiên phong của phong trào cộng sản quốc tế; Rằng không phải hệ thống xã hội chủ nghĩa là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người, mà cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh mới là lực lượng quyết định quá trình cách mạng thế giới. Trong chiều hướng đó, Trung Quốc tự tách mình ra khỏi quyền lãnh đạo của Moscow và tự coi mình là có tư cách lãnh đạo khối thế giới thứ ba cạnh hai khối Mỹ Nga đứng đầu. Trên thực tế, vị trí này đã được khẳng định, khi một số nước và một số đảng cộng sản ở ba khu vực nghèo đói trên thế giới đã đi theo ngọn cờ Trung Quốc một thời.

Mặt khác, với chủ trương “sống chung hoà bình” được Mỹ và khối tư bản tung ra, đã được cái gọi là các phần tử cơ hội xét lại và các thế lực phản động đón nhận, gây biến động lớn trong nội bộ một số đảng cộng sản châu Âu và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, tiêu biểu là Tiệp Khắc năm 1977. Để chặn đứng nguy cơ đe dọa sự sụp đổ toàn khối, Liên Xô đã đưa quân đội vào làm công việc cứu cách mạng Tiệp Khắc. Hành động này đã đẩy lên “chủ nghĩa bài Xô” trong phong trào cộng sản quốc tế.

Để khẳng định quyền lãnh đạo độc lập tách khỏi Moscow, tháng Tư năm 1969, Đại hội IX đảng cộng sản Trung Quốc đã tuyên bố “Tư tưởng Mao Trạch Đông là hệ tư tưởng lãnh đạo mọi hành động của đảng, của nhà

nước và của quân đội Trung Quốc”. Đường lối “Ba ngọn Cờ Hồng” là đường lối “đứng đắn, sáng tạo” của cách mạng Trung Quốc trong cả thời kỳ quá độ. . . Tháng 6 năm 1969, Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân thân phục Liên Xô đã họp tại Moscow. Hội nghị này đã nhận định cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống đối lập tùy thuộc những thành tựu và sự đoàn kết của phe xã hội chủ nghĩa. Do đó, “việc củng cố liên minh giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa, phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc có ý nghĩa hàng đầu cho triển vọng của cuộc chiến tranh chống đế quốc...” (6) Kết quả là sau hội nghị này, đã diễn ra các cuộc thanh trừng trong nội bộ các đảng cộng sản thân Liên Xô. Theo đó, đối với những phần tử bị coi là “xét lại” hiện đang nắm quyền trong các nước xã hội chủ nghĩa hay không nắm quyền trong các nước tư bản chủ nghĩa, những phần tử này đòi xét lại những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê và chủ nghĩa quốc tế vô sản, vứt bỏ tính cách mạng và tính khoa học của chủ nghĩa này, phủ nhận đấu tranh giai cấp, đề xướng hoà bình và sự hợp tác giữa giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột, phủ nhận cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, làm tê liệt ý chí cách mạng và tinh thần cảnh giác của quần chúng, tước đoạt “vũ khí tư tưởng” và làm tan rã sức chiến đấu của giai cấp công nhân. Đồng thời, chủ nghĩa xét lại hiện đại cũng tìm cách chứng minh rằng bản chất của chủ nghĩa tư bản đã thay đổi; rằng nguồn gốc của chiến tranh trong thời đại ngày nay không phải là chủ nghĩa đế quốc; rằng chủ nghĩa tư bản đang chuyển dần sang chủ nghĩa xã hội một cách hoà bình; rằng cùng tồn tại hoà bình là phải chấm dứt mọi cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập và thủ tiêu đấu tranh giai cấp v.v. .

Nhìn chung trong giai đoạn này, cuộc đấu tranh trong

nội bộ khối cộng sản chống chủ nghĩa Mao, chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cơ hội đã như báo hiệu sự suy tàn và tự huỷ của toàn khối cộng sản và hệ tư tưởng mà nó xây dựng trên đó. Nay thì sự báo hiệu ấy đã trở thành hiện thực, khối cộng sản đã tan rã, các chế độ cộng sản đã và đang tự huỷ và chủ nghĩa cộng sản thì đang đi vào thời kỳ cáo chung.

### B. VỀ KHÁCH QUAN:

Nói một cách tổng quát, nếu cuộc cách mạng kỹ nghệ nổ ra vào cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19 đã đưa loài người từ một nền văn minh nông nghiệp bước vào một nền văn minh kỹ nghệ, thì cuộc cách mạng điện tử nổ ra vào hậu bán thế kỷ 20 đã đưa loài người từ một nền văn minh kỹ nghệ bước vào một nền văn minh điện tử. Chính cuộc cách mạng này đã là nguyên nhân khách quan buộc các nước giàu nói chung và các cường quốc nói riêng phải thay đổi cách nhìn và cách đối xử trong quan hệ giữa họ và với các nước nghèo.

Thực vậy, chỉ trên dưới 20 năm sau thế chiến thứ hai, song song với sự phục hồi và phát triển kinh tế, một cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã nổ ra ở các nước công nghiệp phát triển thuộc cả hai khối cộng sản cũng như tư bản. Cuộc cách mạng này xuất phát từ những phát minh khoa học kỹ thuật tân kỳ, đặc biệt là những phát minh điện tử. Nhìn lại lịch sử phát triển xã hội loài người thì cuộc cách mạng này đã đem lại thành tựu to lớn nhất trên các lãnh vực khoa học kỹ thuật, sản xuất và phục vụ đời sống con người. Trước đây mặc dầu cũng đã có những phát minh lớn về khoa học kỹ thuật nhưng chưa từng có ảnh hưởng trên một qui mô rộng lớn như hiện nay. Bởi vì cuộc cách mạng này đã không đơn thuần là một hiện tượng



xảy ra trong lãnh vực khoa học kỹ thuật mà còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền kinh tế hầu hết các nước, trước hết là tại các nước giàu. Vì vậy, để thấy các đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay chúng ta cần chú ý hai mặt. Một mặt, là sự phát triển trong khoa học kỹ thuật. Mặt khác là sự gắn liền với hoàn cảnh xã hội và các hiệu quả kinh tế xã hội. Để thấy rõ mối quan hệ khăng khít này chúng ta cần nhìn vào thực tiễn.

Thực tiễn là chỉ trong vòng 20 năm sau thế chiến thứ hai, người ta đã chứng kiến nhiều thành tựu rất quan trọng làm thay đổi bộ mặt thế giới. Với các dạng kỹ thuật, các ngành sản xuất mới, các phương pháp công nghệ mới (như kỹ thuật điện tử, công nghiệp năng lượng nguyên tử, tin học v.v. . .) chỉ có thể ra đời dựa trên những thành tựu của khoa học. Đồng thời với những công trình nghiên cứu khoa học rộng lớn hiện nay, như nghiên cứu không gian và chinh phục vũ trụ, chế ngự phản ứng nhiệt hạch. . . sẽ không thể thực hiện được nếu thiếu cơ sở công nghiệp hiện đại và kỹ thuật cao (như thiết bị tính toán bằng máy điện tử, kỹ thuật động cơ phản lực, phương tiện liên lạc và điều khiển từ xa, phương pháp tạo ra từ trường cực mạnh. . .)

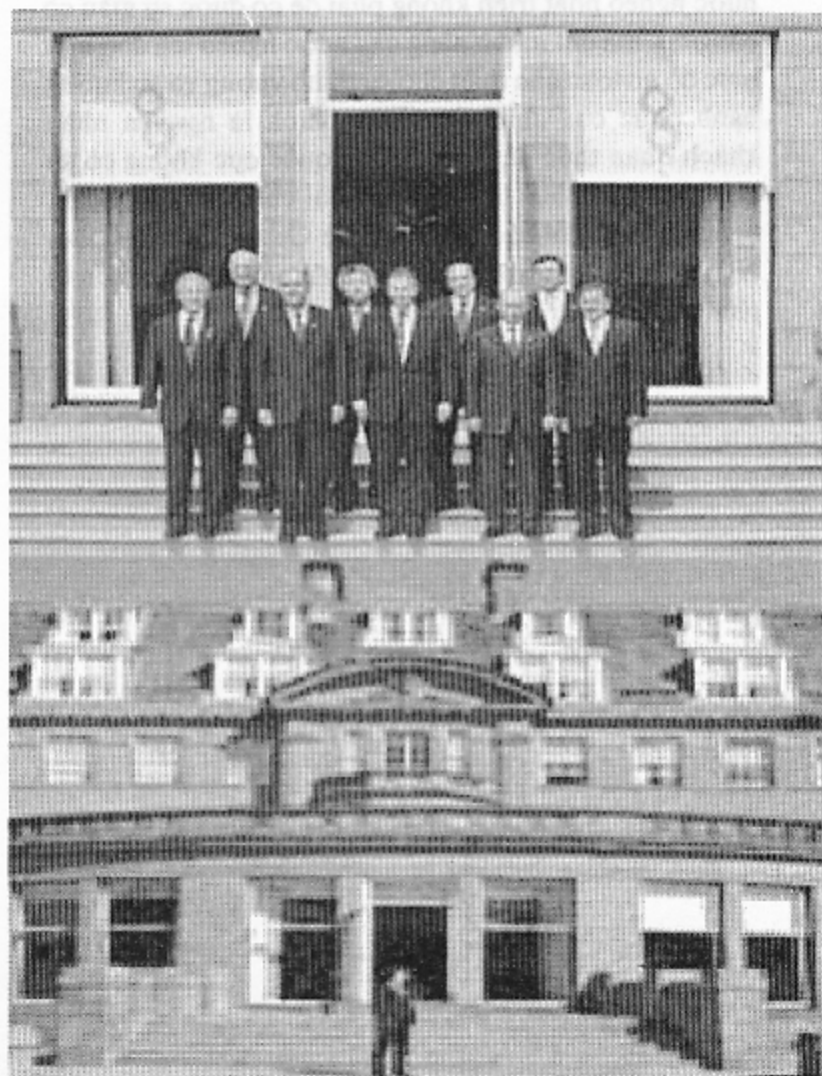
Mặt khác, cũng trong khung cảnh của cuộc cách mạng điện tử, các thành tựu của khoa học đã hướng dẫn việc tạo ra các phương tiện kỹ thuật mới, các phương pháp công nghệ mới và những ngành sản xuất mới, qua đó đã làm tăng năng suất lao động của nền sản xuất nói chung. Một số trong nhiều ví dụ điển hình nhất về vai trò của khoa học trong sản xuất là mối quan hệ giữa hoá học và các chất Polymer và kỹ nghệ chất dẻo, về sự ra đời của ngành năng lượng nguyên tử với các thành tựu đạt được

trong lãnh vực vật lý nguyên tử, đã dẫn đến sự ra đời các nhà máy điện nguyên tử. Một ví dụ khác là những thành tựu đạt được trong lãnh vực điện tử và toán học, cũng như trong nhiều ngành khác đã làm xuất hiện kỹ nghệ sản xuất máy tính điện tử. . .

Nói tóm lại, chúng ta có thể đưa ra nhiều ví dụ khác nữa để chứng minh rằng: cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ở hậu bán thế kỷ 20 này đã đem lại cho loài người những lợi ích vật chất và tinh thần ở mức độ cao hơn nhiều so với cuộc cách mạng kỹ nghệ trước đây. Tất nhiên những lợi ích vật chất và tinh thần của cuộc cách mạng này không đem lại đồng đều cho mọi dân tộc, cho tất cả các nước trên hành tinh này, mà trước hết đem lại cho các nước giàu, cho một số dân tộc và cho những người giàu có trong xã hội.

Như vậy, muốn được an hưởng hạnh phúc vật chất và tinh thần do cuộc cách mạng điện tử đưa lại cho mình, bản thân các nước giàu không thể tiếp tục duy trì nền trật tự quốc tế cũ, mà phải cùng nhau sắp xếp lại “một nền trật tự quốc tế mới” hay là “một hệ thống kinh tế thế giới mới” cho phù hợp. Đó là một tất yếu lịch sử, vì quyền lực và quyền lợi thiết thân, các nước giàu không thể tiếp tục duy trì nguyên trạng một thế giới mà sự cách biệt giàu nghèo giữa thiểu số các nước giàu và đa số các nước nghèo đã sâu sắc nay lại càng sâu sắc hơn. Bởi vì chính sự cách biệt sâu sắc này sẽ ảnh hưởng đến sự thịnh vượng chung và đe dọa đến sự an hưởng hạnh phúc vật chất và tinh thần do cuộc cách mạng điện tử đưa lại cho các nước giàu. Vậy tốt hơn, các nước giàu thấy cần thiết phải để cho các nước nghèo đi vào thế ổn định và tỏ ra thực tâm muốn giúp các nước nghèo phát triển. Tất nhiên giúp các

nước nghèo phát triển không phải để có được sự giàu có bằng họ, mà chỉ muốn nâng các nước nghèo lên đến một mức độ an toàn cần thiết cho sự thịnh vượng và an hưởng hạnh phúc của chính họ. Đây chính là nguyên nhân khách quan thúc đẩy các cường quốc cực không có sự chọn lựa nào khác là phải thay đổi chiến lược quốc tế, nghĩa là thay đổi các mối quan hệ Giàu-Giàu và Giàu-Nghèo, hay là thay đổi cách làm ăn nếu không muốn bị phá sản (nếu cứ giữ cách làm ăn cũ).



Hội nghị Thượng đỉnh G.8 tại khách sạn Gleneagles,  
Pirithshire, Scotland từ ngày 6 đến 8 tháng 7 năm 2005